

ĐỘ MỞ THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

● NGUYỄN THỊ CHI

Khoa Thương mại,
Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

TÓM TẮT:

Bài viết này phân tích độ mở thương mại trong nền kinh tế Việt Nam, bao gồm thực trạng xuất nhập, nhập khẩu và đánh giá vai trò của các doanh nghiệp FDI. Thông qua số liệu thực tế, bài viết làm rõ tầm quan trọng của thương mại quốc tế đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và những thách thức trong bối cảnh biến động kinh tế toàn cầu; từ đó đưa ra giải pháp đối với những thách thức từ sự phụ thuộc vào khu vực doanh nghiệp FDI, nhập siêu lớn từ một số thị trường, xu hướng bảo vệ thương mại nội địa tại một số quốc gia.

Từ khóa: độ mở thương mại, kim ngạch xuất nhập, kim ngạch nhập khẩu, FDI, kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, thương mại quốc tế đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các nền kinh tế, đặc biệt đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Độ mở thương mại phản ánh mức độ hội nhập của một quốc gia với nền kinh tế thế giới thông qua các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu. Việt Nam, với chiến lược phát triển kinh tế lấy thương mại làm trụ cột, đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc mở rộng thị trường và nâng cao kim ngạch thương mại. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, nền kinh tế cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như sự phụ thuộc vào doanh nghiệp nước ngoài, mất cân đối cán cân thương mại và tác động của biến động kinh tế toàn cầu. Do đó, việc đánh giá thực trạng độ mở thương mại và tìm ra những giải pháp phù hợp là điều cần thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững.

2. Thực trạng độ mở thương mại của Việt Nam

Độ mở thương mại của Việt Nam

Theo "Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024" của Tổng cục Thống kê, quy mô GDP theo giá hiện hành của Việt Nam ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. Với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 765 tỷ USD, tỷ lệ độ mở thương mại của Việt Nam ((Xuất khẩu + Nhập khẩu)/GDP) đạt khoảng 160,6%. Con số này cho thấy mức độ hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu.

So sánh với các quốc gia khác, Việt Nam nằm trong nhóm các nước có độ mở thương mại cao. Trước đó, theo báo cáo về Rủi ro thương mại và đầu tư Việt Nam của Fitch Solutions cho quý III/2022, Việt Nam đạt 74,6 trên 100 điểm về độ mở kinh tế, xếp thứ 5 trong số 35 quốc gia châu Á,

chỉ sau Singapore, Hong Kong, Macao và Malaysia. Điểm số này cao hơn mức trung bình của châu Á (46 điểm) và toàn cầu (49,5 điểm). Trên toàn cầu, Việt Nam đứng thứ 20 trong số 201 thị trường được Fitch Solutions đánh giá. Về rủi ro thương mại và đầu tư, Việt Nam được chấm 61,1 điểm, cao hơn mức trung bình châu Á và thế giới. Với tiêu chí này, điểm số càng thấp, rủi ro càng cao. Việt Nam xếp thứ 9 khu vực và 57 toàn cầu về rủi ro thương mại và đầu tư. Theo thước đo về độ mở kinh tế của Fitch Solutions, Việt Nam đạt 89,2 điểm về độ mở thương mại, đứng thứ 2 trong Đông - Đông Nam Á và thứ 5 trên toàn cầu. Việc duy trì độ mở thương mại cao đã mang lại nhiều thành tựu cho nền kinh tế Việt Nam đặc biệt trong hoạt động thương mại.

Hoạt động thương mại

Cũng theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2024, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong hoạt động thương mại. Theo "Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024" của Tổng cục Thống kê, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2024 ước tính đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm 2023. Như vậy, cán cân thương mại hàng hóa năm 2024 ước tính xuất siêu 24,77 tỷ USD. Với GDP ước tính khoảng 476,3 tỷ USD, tỷ lệ độ mở thương mại (tổng kim ngạch xuất nhập khẩu/GDP) của Việt Nam đạt khoảng 165%, duy trì mức cao so với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tiếp tục giữ vững vị thế trên thị trường quốc tế như điện tử, máy tính và linh kiện; dệt may; da giày; nông sản... Về thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. EU, Trung Quốc, Asean, Hàn Quốc và Nhật Bản cũng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu thương mại của Việt Nam.

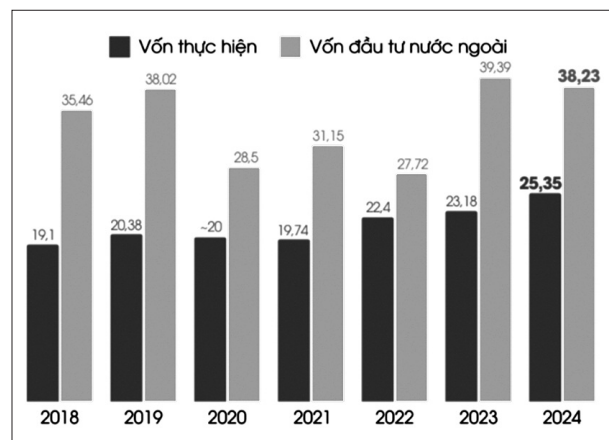
Ngoài xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam cũng ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể, đặc biệt là các mặt hàng như máy móc, thiết bị và nguyên liệu phục vụ sản xuất. Trong đó, Trung Quốc tiếp tục là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam.

Hoạt động hợp tác quốc tế

Kết quả trên có một phần lợi ích từ việc Việt Nam tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do

(FTA) như EVFTA, CPTPP và RCEP đã mở rộng cơ hội tiếp cận các thị trường mới, giúp hàng hóa Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan và nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế. Những hiệp định này cũng góp phần thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. Trong Báo cáo tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2024, tổng vốn FDI đăng ký đạt khoảng 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước, với các dự án tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến chế tạo và công nghệ cao. (Hình 1)

Hình 1: Vốn đầu tư nước ngoài năm 2024



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2024

Việt Nam cũng không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước và nước ngoài phát triển. Báo cáo "Business Ready 2024" (B-READY) của Ngân hàng Thế giới (WB) đánh giá môi trường kinh doanh và đầu tư trên toàn cầu, Việt Nam đạt 66,81 điểm, xếp vào nhóm thứ ba khi xét về khung pháp lý; trong lĩnh vực dịch vụ công, Việt Nam chỉ đạt 53,41 điểm, xếp vào nhóm thứ ba, tuy nhiên Việt Nam thể hiện tốt nhất trong trụ cột hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp, với 72,78 điểm và được WB xếp vào nhóm hàng đầu. Đặc biệt, trong các bảng xếp hạng, B-READY đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên 10 tiêu chí chính. Trong đó, Việt Nam có điểm cao nhất ở 2 khía cạnh là dịch vụ tiện ích và lao động, xếp vào nhóm 1. Ba yếu tố khác cũng được xếp hạng tương đối tốt là thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp và cạnh tranh thị trường - xếp thứ 2. Điều này cho thấy chỉ

số thuận lợi kinh doanh của Việt Nam tiếp tục được cải thiện, với nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại quốc tế.

Những thành tựu này khẳng định vai trò quan trọng của thương mại quốc tế trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

3. Thách thức và giải pháp

Mặc dù Việt Nam có độ mở thương mại cao, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức đáng kể. Một trong những vấn đề lớn nhất là sự phụ thuộc vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Theo "Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024" của Tổng cục Thống kê, khu vực FDI đóng góp khoảng 73% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Điều này đồng nghĩa với việc nền kinh tế bị chi phối lớn bởi các tập đoàn đa quốc gia, trong khi các doanh nghiệp nội địa vẫn gặp khó khăn trong việc tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Khi các tập đoàn này có sự điều chỉnh chiến lược hoặc chuyển dịch sản xuất sang các quốc gia khác, Việt Nam có thể đối mặt với sự sụt giảm xuất khẩu và mất việc làm.

Bên cạnh đó, vấn đề cán cân thương mại cũng đặt ra nhiều thách thức. Việt Nam vẫn duy trì mức xuất siêu nhưng lại nhập siêu lớn từ một số thị trường quan trọng. Cụ thể, nhập siêu từ Trung Quốc trong năm 2024 ước tính khoảng 40 tỷ USD, cho thấy sự phụ thuộc đáng kể vào nguyên vật liệu nhập khẩu. Điều này ảnh hưởng đến khả năng tự chủ sản xuất của Việt Nam và làm giảm giá trị gia tăng nội địa trong chuỗi sản xuất.

Ngoài ra, biến động kinh tế toàn cầu và xu hướng bảo hộ thương mại ngày càng gia tăng cũng tác động đáng kể đến hoạt động thương mại của Việt Nam. Theo báo cáo Fitch Solutions quý 3/2022, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng đến dòng chảy hàng hóa, làm gián đoạn chuỗi cung ứng và khiến chi phí vận chuyển tăng cao. Đồng thời, các biện pháp bảo hộ từ Mỹ và EU, như tăng thuế chống bán phá giá và áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về xuất xứ hàng hóa, gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Các rào cản phi thuế quan ngày càng gia tăng cũng làm giảm khả năng tiếp cận thị trường quốc tế.

Một vấn đề khác là chất lượng và giá trị gia tăng

trong xuất khẩu của Việt Nam còn thấp. Dù tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh, nhưng phần lớn hàng hóa xuất khẩu vẫn ở dạng gia công, có giá trị gia tăng thấp. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank) năm 2024, giá trị gia tăng nội địa trong hàng xuất khẩu của Việt Nam chỉ đạt khoảng 55%, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của các nền kinh tế phát triển. Điều này có nghĩa lợi ích kinh tế thực sự Việt Nam thu được từ xuất khẩu còn hạn chế, trong khi phần lớn lợi nhuận thuộc về các doanh nghiệp nước ngoài.

Để giải quyết những thách thức trên, Việt Nam cần triển khai một số giải pháp chiến lược nhằm nâng cao vị thế trong thương mại quốc tế:

Thứ nhất, cần có chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn để phát triển doanh nghiệp nội địa, giúp họ tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt trong các ngành chiến lược như điện tử, cơ khí và dệt may, sẽ giúp giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và nâng cao giá trị gia tăng trong nước.

Thứ hai, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu là một giải pháp quan trọng nhằm giảm rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường lớn như Mỹ và Trung Quốc. Việt Nam cần tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) như EVFTA, CPTPP và RCEP để mở rộng thị trường sang các khu vực mới như châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latin. Điều này không chỉ giúp tăng kim ngạch xuất khẩu mà còn giảm thiểu rủi ro từ những biến động chính trị và kinh tế toàn cầu.

Thứ ba, đầu tư vào đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam là yếu tố then chốt để tăng trưởng bền vững. Các doanh nghiệp cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo (AI) vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất, giảm chi phí và cải thiện chất lượng sản phẩm. Đồng thời, Nhà nước cũng cần có chính sách hỗ trợ tài chính và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Thứ tư, việc nâng cao chất lượng tiêu chuẩn hàng hóa và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường quốc tế rất quan trọng. Do đó, Việt Nam cần đẩy mạnh kiểm soát chất lượng sản phẩm xuất khẩu, đồng thời tăng cường thương hiệu quốc gia để nâng cao uy tín và sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ giúp Việt Nam tận dụng tối đa lợi thế của thương mại quốc tế, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững và chủ động hơn trong nền kinh tế toàn cầu.

4. Kết luận

Việt Nam có độ mở thương mại rất cao, đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế nhưng cũng

tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc nâng cao giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu và giảm sự phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI là yếu tố quan trọng để đảm bảo nền kinh tế phát triển bền vững. Cùng với đó, chiến lược thích ứng với biến động kinh tế toàn cầu sẽ giúp Việt Nam tối ưu hóa lợi ích từ thương mại quốc tế và nâng cao vị thế trong nền kinh tế khu vực ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tổng cục Thống kê (2024), Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024.

Fitch Solutions (2022), Báo cáo về Rủi ro thương mại và đầu tư Việt Nam.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024), Báo cáo Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài năm 2024.

Ngân hàng Thế giới - WB (2024), Báo cáo "Business Ready 2024" (B-READY).

Ngày nhận bài: 24/2/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 10/3/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 27/3/2025

TRADE OPENNESS IN VIETNAM'S ECONOMY: CURRENT STATUS AND FUTURE PROSPECTS

● NGUYEN THI CHI

Faculty of Commerce,

University of Economics - Technology for Industries

ABSTRACT:

This study examines trade openness in the Vietnamese economy, with a focus on the current state of exports and imports and the pivotal role of foreign direct investment (FDI) enterprises. Utilizing empirical data, the study highlights the significance of international trade in driving Vietnam's economic growth while identifying key challenges amid global economic fluctuations. The analysis addresses concerns related to the heavy reliance on the FDI sector, persistent trade deficits with specific markets, and the rising trend of trade protectionism in several countries. Based on these insights, the study proposes solutions to enhance the resilience and sustainability of Vietnam's trade development.

Keywords: trade openness, export turnover, import turnover, FDI, economy.